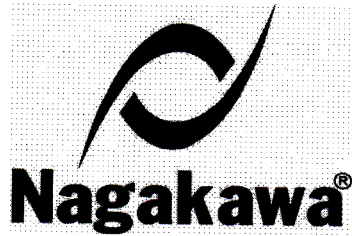


CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM




**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

U.N.2
C
C
NA
V.
CHIC

VĨNH PHÚC, THÁNG 4 NĂM 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh **NAGAKAWA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **NAGAKAWA**
- Mã cổ phiếu **NAG**
- Logo 
- Vốn điều lệ **148.495.780.000 đồng**
(Một trăm bốn tám tỉ, bốn trăm chín lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **2500217389 cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 01 năm 2015**
- Địa chỉ **Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc**
- Điện thoại **(84-211) 3 873 568**
- Fax **(84-211) 3 873 569**
- Email **info@nagakawa.com.vn**
- Website **www.nagakawa.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2002:

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam – Tiền thân là Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập năm 2002 tại Tỉnh Vĩnh Phúc, tên giao dịch NAGAKAWA VIETNAM JOINT VENTURE COMPANY, với tổng số vốn pháp định là 1.500.000 đô la Mỹ.

Năm 2007:

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/03/2007.

Năm 2009:

Ngày 22/09/2009 Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của Nagakawa Việt Nam.

Năm 2010:

Ngày 25/09/2010, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam nhận được quyết định số 651/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ.

Năm 2012:

Ngày 16/02/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 70/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 762/UBCK-GCN.

Ngày 31/8/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 436/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu lên 14.849.578 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- o Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
- o Sản xuất đồ điện dân dụng
- o Chi tiết:
 - Sản xuất đồ điện dân dụng
 - Sản xuất điều hòa không khí
- o Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- o Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- o Xây nhà các loại
- o Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- o Xây dựng công trình công ích
- o Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- o Phá dỡ
- o Chuẩn bị mặt bằng
- o Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- o Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- o Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- o Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- o Chi tiết:
 - Mua bán máy móc, thiết bị y tế
 - Mua bán dụng cụ y tế
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- o Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- o Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- o Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- o Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- o Sản xuất các cấu kiện kim loại
- o Sản xuất sắt, thép, gang
- o Lắp đặt hệ thống điện
- o Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- o Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- o Chi tiết:

- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- o Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc)
- o Sản xuất thiết bị điện khác
Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện
- o Khai thác quặng sắt
(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định)
- o Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Chi tiết: Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét
- o Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Chi tiết:
 - Cho thuê kho bãi
 - Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- o Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định)
- o Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng
- o Ngoài ra
 - Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng
 - Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh
 - Mua bán kim loại và quặng kim loại
 - Sản xuất hàng may mặc
 - Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
 - Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép
 - Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
 - Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước

3.2. Địa bàn kinh doanh:

An Giang	Cà Mau	Hà Giang	Nam Định	Quảng Ninh	Hưng Yên
Bà Rịa-Vũng Tàu	Cao Bằng	Hà Nam	Nghệ An	Quảng Trị	Khánh Hòa
Bắc Kạn	Cần Thơ (TP)	Hà Nội (TP)	Ninh Bình	Sóc Trăng	Lai Châu
Bắc Giang	Đà Nẵng (TP)	Hà Tĩnh	Ninh Thuận	Sơn La	Lào Cai
Bắc Ninh	Điện Biên	Hải Dương	Phú Thọ	Tây Ninh	Lạng Sơn
Bến Tre	Đồng Nai	Hải Phòng (TP)	Phú Yên	Thái Bình	Lâm Đồng
Bình Dương	Đồng Tháp	Hòa Bình	Quảng Bình	Thái Nguyên	Long An
Bình Định	Gia Lai	Hồ Chí Minh (TP)	Quảng Nam	Thanh Hóa	Trà Vinh
Vĩnh Phúc	Vĩnh Long	Tuyên Quang	Quảng Ngãi	Thừa Thiên - Huế	Yên Bái

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

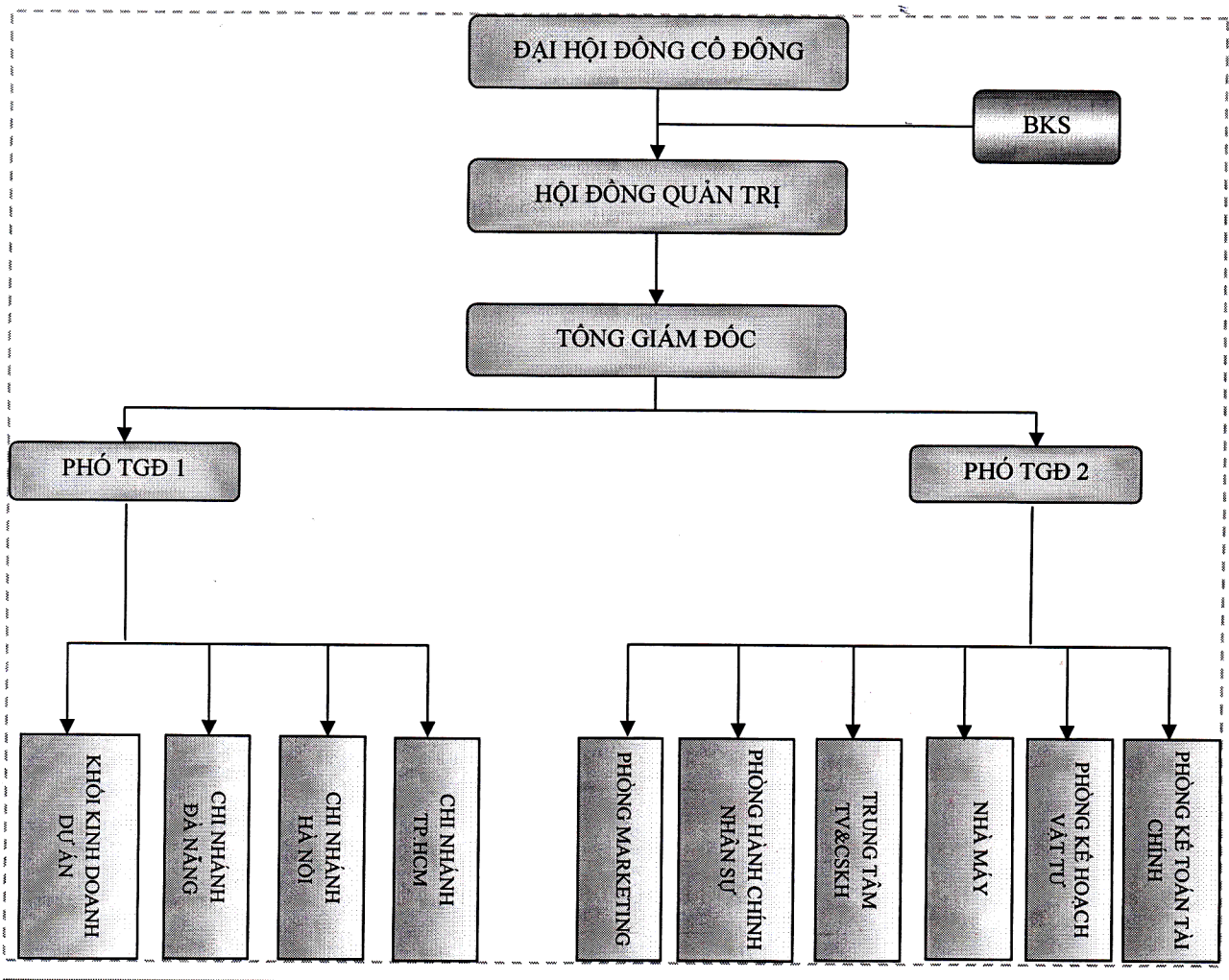
4.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị doanh nghiệp đã được áp dụng là Công ty Mẹ - Tập đoàn. Theo đó mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Tập đoàn quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị (HDQT) đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu là Tập đoàn Nagakawa tại các công ty con thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát và cơ chế bổ nhiệm và báo cáo của người đại diện vốn của Tập đoàn tại các công ty con do Tập đoàn đầu tư vốn.

Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, HDQT đã thành lập các Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

4.2. Bộ máy quản lý



4.3. Các công ty con, công ty liên kết

4.3.1. Công ty con.

- + Tên giao dịch : Công ty CP Đầu tư & Phát triển Kỹ thuật Nagakawa.
- + Tên viết tắt : Nagakawa – IDT.
- + Ngày thành lập : 25 - 12 – 2009.
- + Địa chỉ đăng ký : Phúc Thắng - Phúc yên - Vĩnh phúc.
- + Vốn điều lệ : 12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng)
 - Công ty CP Nagakawa Việt Nam sở hữu 80% vốn điều lệ.
 - Các cổ đông khác sở hữu 20% vốn điều lệ.
- + Ngành nghề : Tư vấn - Thiết kế - Thi công các công trình Cơ điện & Điều hòa không khí cho các công trình Dân dụng và Công nghiệp.

4.3.2. Công ty liên kết

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây dựng & phát triển hạ tầng Nagakawa
- Tên viết tắt: Nagakawa – CDR.
- Ngày thành lập: 12 - 06 – 2009..
- Địa chỉ đăng ký: Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh phúc.
- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 (Mười tám tỷ đồng).
 - Công ty CP Nagakawa Việt Nam sở hữu 28% vốn điều lệ.
 - Các cổ đông khác sở hữu 72% vốn điều lệ.
- Ngành nghề: Tư vấn - Thiết kế - Thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đầu tư bất động sản, san lấp cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi.

5. Định hướng phát triển

Năm 2015, Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng trưởng ở mức 6,2%, các định chế tài chính cũng dự báo GDP năm 2015 ở mức quanh 6% cùng với kỳ vọng tín dụng năm 2015 tăng trưởng tốt ở mức 13 - 15% cho thấy nền kinh tế được kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể so với năm 2014.

Bên cạnh đó, cùng với việc thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt và mức tiêu dùng của người Việt Nam ngày càng tăng cao, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình, thị trường Điện tử - Điện lạnh, may mặc trong năm 2015 được dự đoán sẽ phát triển mạnh.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và triển vọng các lĩnh vực hoạt động của Nagakawa Việt Nam, HĐQT đề ra những mục tiêu cho năm 2015 như sau:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% đối với sản phẩm Điều hòa không khí, đồng thời tăng doanh số từ các ngành nghề khác, đặc biệt là các ngành nghề Điện lạnh - Điện Gia dụng truyền thống của công ty.
- Đầu tư phát triển lĩnh vực Dệt may.
- Tranh thủ hơn nữa các mối quan hệ, phát huy thế mạnh của thương hiệu Nagakawa, đẩy mạnh các hoạt động kỹ thuật dịch vụ của công ty Nagakawa IDT. Xây dựng Nagakawa IDT trở thành một nhà thầu uy tín tại Việt Nam.

5.2. Các mục tiêu phát triển trong 03 năm sắp tới:

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017
1	Doanh thu (đồng)	350.000.000.000	400.000.000.000	700.000.000.000 - 1.000.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	15.000.000.000	20.000.000.000	35.000.000.000
3	EPS bình quân (đồng)	1.010	1.347	2.357
4	Vốn điều lệ (đồng)	148.496.000.000	200.000.000.000	250.000.000.000
5	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	10%	12%	15%

5.3. Các mục tiêu trung và dài hạn:

- Tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm, đầu tư kinh doanh sản xuất, phát triển sản phẩm mới.
- Đầu tư công nghệ & nhân sự để nghiên cứu đưa vào sản xuất đa dạng các dòng sản phẩm điều hòa công suất lớn và ĐH trung tâm.
- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất điều hòa không khí, điện gia dụng số 2 tại Vĩnh Phúc với tổng vốn đầu tư 100 tỷ đồng, đặc biệt là trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Tập trung công tác Marketing, bán hàng để đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% năm, đến năm 2017 đạt 10% thị phần trong nước.
- Tăng cường triển khai thi công các dự án lắp đặt máy điều hòa trung tâm cho các công trình xây dựng.
- Đầu tư và phát triển lĩnh vực Dệt may.

5.4. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Bên cạnh việc đầu tư nghiên cứu phát triển và cho ra thị trường các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam tiếp tục phấn đấu, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống cho người lao động, bảo vệ môi trường xung quanh nhà máy, khuyến khích người lao động cùng tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội của công ty, qua đó sẽ góp phần làm tăng uy tín của công ty với khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi để công ty nâng cao sức cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Các rủi ro

- Ngoại hối biến động.
- Chỉ số giá tiêu dùng: CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng 0,15%.
- Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất năm 2014 tăng 3,39% so với năm 2013, trong đó chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất của một số ngành tăng cao là: Điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa tăng 6,71%.
- Riêng đối với ngành Điện lạnh, sự cạnh tranh tại thị trường Việt Nam ngày càng khốc liệt. Hàng sản xuất trong nước phải chịu lãi suất cao, sản phẩm nhập khẩu thương hiệu toàn cầu chịu lãi xuất gần như bằng không. Đó là một trong những thách thức lớn đối với sản phẩm của Nagakawa Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	350.000.000.000	280.177.987.919	80,05%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	18.000.000.000	15.230.060.455	84.61%

Năm 2014, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng lớn, Doanh thu năm 2014 tăng 129,77% (Doanh thu năm 2013 là 215.905.225.167 đồng). Lợi nhuận năm 2014 tăng gấp 11,63 lần so với năm 2013 (Lợi nhuận năm 2013 là 1.309.428.579 đồng). Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 tăng là do công ty đã tổ chức lại sản xuất, tập trung phát triển thị trường, tối thiểu hóa chi phí sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, kết quả này vẫn chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân:

- Thời tiết diễn biến không thuận lợi thuận lợi cho việc kinh doanh Điều hòa không khí.
- Do giá đầu vào tăng cao, sản phẩm sản xuất trong nước chịu ảnh hưởng của tỉ giá và lãi suất cao nên giá thành sản phẩm tăng, dẫn đến sản phẩm thiếu tính cạnh tranh.
- Tình hình kinh tế mặc dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều biến động. Theo báo cáo nghiên cứu thị trường công ty nhận được, thị trường sẽ còn tăng trưởng nhưng thực tế vẫn trầm lắng. Thị trường bất động sản năm 2014 vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực.
- Chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất 6 tháng đầu năm 2014 tăng 3,09% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó, tăng cao nhất là các mặt hàng khí đốt, nước nóng, hơi nước và Điều hòa không khí với mức tăng 9,39%, khai khoáng tăng 5,79%, cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 6,42%. Giá đầu vào tăng nhưng giá bán sản phẩm không tăng hoặc tăng ít dẫn đến không tối đa hóa được lợi nhuận.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nhiều thương hiệu nước ngoài tràn vào Việt Nam, đặc biệt là các thương hiệu Trung Quốc vào thị trường Việt Nam với giá rẻ làm cho giá bán của công ty không thể tăng, dẫn đến việc giảm lợi nhuận kinh doanh.
- Một số công trình Điều hòa trung tâm mà công ty đã kí chưa đến giai đoạn được nghiệm thu nên chưa tính vào doanh số.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1.1. Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Đức Khả

- Họ và tên : Nguyễn Đức Khả
- Số CMND: 012567067 cấp ngày 08/02/2007 Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/12/1959
- Nơi sinh: Phả Lại – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phả Lại – Lương Tài – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.62858699
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 đến 1984: Sở Văn Hoá Hà Bắc
 - Từ 1984 đến 1992: Phòng Văn hoá huyện Gia Lương - Bắc Ninh
 - Từ 1993 đến 2000: Phó Giám đốc – Công ty XNK Bách Hoá Hà Nội
 - Từ 2001 đến 2002: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ
 - Từ 2002 đến 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nagakawa Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 10/04/2015) : 5.148.000 cổ phần.
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 5.148.000 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan :

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Đào Thị Soi	Vợ	2.772.897 cổ phần (đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	110.000 cổ phần

2.1.2. Phó Tổng Giám Đốc: Bà Đào Thị Soi

- Họ và tên: Đào Thị Soi
- Số CMND: 012204877 cấp ngày 29/03/1999 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1960
- Nơi sinh: Gia Bình – Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Gia Bình – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 04.62858699
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính - Bắc Ninh
 - Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội
 - Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 2.772.897 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu : 2.772.897 cổ phần
(Đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Chồng	5.148.000 cổ phần
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	110.000 cổ phần

2.1.3. Phó Tổng Giám Đốc : Bà Nguyễn Thị Huyền Thương

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Thương
- Số CMND: 012142742 cấp ngày 26/10/2006 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1983
- Nơi sinh: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 04.62858699
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 – nay: Nhân viên phòng Hành chính CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 10/04/2015) : 110.000 cổ phần

Sở hữu cá nhân : 110.000 cổ phần
 Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan :

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Cha	5.148.000 cổ phần
2	Đào Thị Soi	Mẹ	2.772.897 cổ phần (đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)

2.1.4. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Huy Thị Dung	01/6/1979	111476379	Kế toán trưởng

- Họ và tên: Huy Thị Dung
- Số CMND: 111476379 cấp ngày 15/5/2012 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/6/1979
- Nơi sinh: Hoài Đức, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoài Đức, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: SN 69 tổ dân phố 15, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.62858699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2001 - 2005 : CTCP Lucky Star – Kế toán trưởng
 - Từ 2006 - 2007 : CTCP Nagakawa Việt Nam – Kế toán trưởng
 - Từ 2008 – 2010 : CTCP Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội – Kế toán trưởng.
 - Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Nagakawa Việt Nam.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 3.684 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 3.684 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

2.2. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

Ông Mai Thanh Phương - Phó chủ tịch HĐQT thôi không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, thôi không là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kể từ ngày 01/03/2014 theo quyết định số 18/QĐ/NA-2014.

Bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Khả - Chủ tịch HĐQT giữ chức vụ Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kể từ ngày 01/03/2014 theo quyết định số 18/QĐ/NA-2014.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động:

Tiêu chí	Số lượng
Đại học, trên Đại học	80
Cao đẳng	30+
Trung cấp, Công nhân kỹ thuật	20
Phổ thông trung học	150
Tổng cộng	280

2.4. Thay đổi thành viên HĐQT; Chủ tịch; Ban Tổng Giám Đốc; Ban kiểm soát; kế toán trưởng:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam của ông Nguyễn Hồng Điệp kể từ ngày 01/07/2014 theo quyết định số 32/QĐ-NAG-14 của Chủ tịch HĐQT công ty họp ngày 23/06/2014.

- Miễn nhiệm chức vụ Phó chủ tịch HĐQT – thành viên HĐQT CTCP Nagakawa Việt Nam của Ông Mai Thanh Phương kể từ ngày 04/09/2014 theo quyết định số 44/QĐ-NAG-14 của Chủ tịch HĐQT công ty họp ngày 04/09/2014.

- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kể từ ngày 09/09/2014 theo quyết định số 46/QĐ-NAG-14 của Chủ tịch HĐQT công ty họp ngày 05/09/2014.

2.5. Chính sách đối với người lao động

Tăng mức lương tối thiểu vùng

- Thực hiện theo Nghị định số 103/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động.

- Căn cứ quy định danh mục các địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng.

- Căn cứ các văn bản liên quan.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam xin đăng ký mức lương tối thiểu vùng 2 với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là 2.953.200 đồng/tháng/người, mức lương tối thiểu vùng 1 là 3.450.000 đồng/tháng/người kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Công ty tự xây dựng thang bảng lương áp dụng cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Công ty con.

+ Tên giao dịch : Công ty CP Đầu tư & Phát triển Kỹ thuật Nagakawa.

+ Tên viết tắt : Nagakawa – IDT.

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/ giảm
	<i>ĐVT: đồng</i>	<i>ĐVT: đồng</i>	
Tổng giá trị tài sản	36,062,378,542	33.707.865.588	-6,53%
Doanh thu thuần	79,494,131,059	75.413.775.187	-5,13%
Lợi nhuận từ HĐKD	759,324,399	97.587.790	-87,15%
Lợi nhuận khác	-38,547,701	86.901.295	325,44%
Lợi nhuận trước thuế	720,776,698	184.489.085	-74,40%
Lợi nhuận sau thuế	536,152,423	143.241.029	-73,28%

3.2. Công ty liên kết

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây dựng & phát triển hạ tầng Nagakawa

Do tình hình suy thoái, nên một số dự án của công ty CP Xây dựng & phát triển hạ tầng Nagakawa phải tạm dừng.

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/ giảm
	<i>ĐVT: đồng</i>	<i>ĐVT: đồng</i>	
Tổng giá trị tài sản	4.174.745.718	4.171.246.218	-0,08%
Doanh thu thuần			

Lợi nhuận từ HĐKD	-1.541.625	-3.499.500	-127%
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	-1.541.625	-3.499.500	-127%
Lợi nhuận sau thuế	-1.541.625	-3.499.500	-127%

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/ giảm
	ĐVT: đồng	ĐVT: đồng	
Tổng giá trị tài sản	270.569.419.075	274.705.448.372	1,53%
Doanh thu thuần	211.345.379.624	278.967.514.804	32%
Lợi nhuận từ HĐKD	-1.640.862.201	12.614.102.728	868,75%
Lợi nhuận khác	3.253.126.122	6.776.550.233	108,31%
Lợi nhuận trước thuế	1.610.546.296	19.387.157.961	1.103,77%
Lợi nhuận sau thuế	1.309.428.579	15.230.060.455	1.063,11%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

4.2.1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2013	Năm 2014
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,85	2,11
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,96	1,22

4.2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Năm 2013	Năm 2014
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,48	0,44

+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,95	0,79
----------------------------	------	------

4.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Năm 2013	Năm 2014
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,08	2,83
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,78	1,02

4.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Năm 2013	Năm 2014
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,006	0,05
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,009	0,10
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,004	0,06
+ Hệ số lợi từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,007	0,05

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ đông

5.1.1. Thống kê về cổ đông và các thành viên góp vốn:

5.1.1.1. Cổ đông góp vốn Nhà Nước: (không có)

5.1.1.2. Thông tin về giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên HĐQT/BKS (tính đến thời điểm 10/04/2015):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	1.452.000	9.78%	2.000	0.01%	Bán ngày 07/03
2	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	2.000	0.01%	1.000.000	6.73%	Mua ngày 26/6
3	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	1.000.000	6.73%	952.000	6.41%	Bán ngày 7/7
4	Mai Thanh Phương	Cổ đông lớn	952.000	6.41%	0	0%	Bán ngày 23/9

5.2. Cổ đông sáng lập (tính đến thời điểm 10/04/2015)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đức Khả	Số nhà 411 – Tổ 24C – Phường Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	012567067	5.148.000	51.480	34,67%
2	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Tổ 24C – Phường Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	0102001498	2.772.800	2.772.800	18.67%
3	Nguyễn Thị Huyền Thương	Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội.	012142742	110.000	1.100	0,74%
2	Mai Thanh Phương	Số 69 – Ngõ 97 đường Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – HN	011401989	0	0	0%
Tổng cộng				8.030.800	8.030.800	54.08%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Kết quả hoạt động SXKD 2014:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	350.000.000.000	280.177.987.919	80.05%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	18.000.000.000	15.230.060.455	84.61%

Năm 2014, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Tận dụng có hiệu quả các cơ hội kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận năm 2014 của Nagakawa Việt Nam đã tăng trưởng mạnh.

Nguyên nhân:

Công ty đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, phát triển thị trường, mở rộng mạng lưới nhà phân phối, đại lý, cửa hàng bán sản phẩm Nagakawa. Bên cạnh đó việc đầu tư công nghệ sản xuất, tối thiểu hóa chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm giúp gia tăng lợi nhuận cho công ty.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận năm 2014 tăng rõ rệt so với năm 2013 nhưng công ty vẫn chưa hoàn thành được các chỉ tiêu mà đại hội cổ đông đã đề ra. Nguyên nhân:

- Nền kinh tế vẫn còn nhiều biến động, thị trường bất động sản chưa ổn định.
- Sự cạnh tranh tại thị trường Việt Nam đặc biệt ở lĩnh vực Điều hòa ngày càng gay gắt. Với danh mục sản phẩm đa dạng, các doanh nghiệp nước ngoài có lợi thế về mức độ nhận biết thương hiệu đối với người tiêu dùng. Với lợi thế của một doanh nghiệp Việt, am hiểu sâu sắc thị trường và thị hiếu của người tiêu dùng Việt, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam cần vượt qua thách thức này.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tăng giảm tài sản:

Tài sản cuối năm so với đầu năm tăng: 4.136.029.300 đồng, chủ yếu là do:

- Công ty thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ bán hàng, số tiền nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với số đầu năm.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Số nợ cuối năm giảm so với đầu năm 11.094.031.100 đồng, chủ yếu do:

- Một số công trình đã hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư nên giảm khoản tiền ứng trước của người mua.
- Chi phí phải trả giảm do giảm một số khoản Chi phí ứng trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2014, tiếp tục triển khai việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp trên toàn bộ hệ thống, công ty đã khẳng định được bản sắc riêng có của Nagakawa. Điều đó góp phần tạo nên sự đoàn kết và thúc đẩy tư duy làm việc sáng tạo của toàn thể cán bộ nhân viên Nagakawa Việt Nam.

Theo kế hoạch cơ cấu tái tổ chức lại bộ máy hoạt động công ty từ Ban lãnh đạo, Bộ máy hoạt động được cải cách theo tinh thần nâng cao hiệu quả làm việc của các phòng ban. Các chính sách chăm sóc hệ thống khách được củng cố, bổ sung và nâng cao để cung cấp kịp thời cho mùa cao điểm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2015 là một năm có nhiều cơ hội và cũng rất nhiều thách thức đối với Nagakawa Việt Nam khi nhiều doanh nghiệp nước ngoài đang có kế hoạch xâm nhập vào thị trường Điều hòa không khí Việt Nam, để hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội, tập thể CBCNV Công ty CP Nagakawa Việt Nam cần phải nghiêm túc triển khai các công tác sau :

- Tiếp tục phát triển theo hướng lấy sản xuất và kinh doanh sản phẩm điện tử điện lạnh làm lĩnh vực chủ lực..
- Đầu tư công nghệ & nhân sự để nghiên cứu đưa vào sản xuất đa dạng dòng sản phẩm điều hòa công suất lớn và ĐH trung tâm.
- Mở rộng nhà máy sản xuất Điều hòa không khí, Điện gia dụng số 2.

- Tập trung phát triển sản phẩm mới, đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% năm.
- Tăng cường triển khai thi công các dự án lắp đặt máy điều hòa trung tâm cho các công trình xây dựng.
- Mở rộng ngành nghề mới, đầu tư phát triển lĩnh vực Dệt may.

Tranh thủ hơn nữa các mối quan hệ, phát huy thế mạnh của thương hiệu Nagakawa, đẩy mạnh các hoạt động kỹ thuật dịch vụ của công ty Nagakawa IDT. Xây dựng Nagakawa IDT trở thành một nhà thầu uy tín trong lĩnh vực Tư vấn - Thiết kế - Cung cấp - Thi công các công trình cơ điện và Điều hòa không khí cho các công trình Dân dụng và Công nghiệp tại Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ % (2014/2013)
Doanh thu thuần (triệu đồng)	211.345	278.968	132,00%
Giá vốn hàng bán (triệu đồng)	185.025	241.741	130,65%
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	26.320	37.227	141,44%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	1.610	19.387	1.204,16%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.309	15.230	1.163,48%
EPS (đồng/cp)	81	1.024	1.264,20%
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	137.044	152.246	111,09%
Tổng tài sản (triệu đồng)	270.569	274.705	101,53%

Bám sát nhiệm vụ 2014 đã đề ra, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành sát sao công việc sản xuất – kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tế.

Công tác tổ chức hành chính

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoàn thiện cơ chế điều hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ chủ chốt và CBNV.
- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động tập thể, đồng thời chú trọng tạo bản sắc riêng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp để gắn kết đội ngũ nhân viên trong công ty.

Công tác Marketing

- Đầu tư thực hiện nghiên cứu, phân tích thị trường trước khi vào mùa vụ, phục vụ công tác bán hàng và triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng.

- Triển khai đồng bộ công tác Marketing: Truyền hình, báo chí, biển bảng, khuyến mại... hiệu ứng Marketing lớn dẫn đến doanh số bán hàng miền Bắc có tháng kỷ lục. Công tác giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Công ty ra công chúng đã được nâng lên một bước.
- Đẩy mạnh công tác PR, tài trợ cho nhiều hoạt động xã hội trong cả nước, thương hiệu Nagakawa đã trở nên gần gũi và thân thiện hơn với công chúng.
- Tập trung nghiên cứu và sản xuất thành công điều hòa treo tường tính năng vượt trội, Điều hòa Inverter thế hệ mới, máy điều hòa không khí thương mại công suất lớn.

Công tác tài chính kế toán

- Ý thức được tầm quan trọng của công tác tài chính kế toán, ngay từ đầu năm Ban giám đốc đã tập trung chỉ đạo với mục đích hoàn thiện hệ thống kế toán, đầu tư trang thiết bị công nghệ nhằm hiện đại hoá công tác kế toán. Bổ sung nhân sự có trình độ phù hợp theo yêu cầu, có khả năng tổ chức, theo dõi hạch toán, giám sát trong tình hình mới.
- Tổ chức kịp thời công tác hạch toán kế toán.

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục mở rộng thị trường và duy trì đội ngũ bán hàng truyền thống
- Đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm: Phong phú về kiểu dáng, đa dạng về chủng loại, công suất; đặc biệt là phát triển các sản phẩm công nghệ cao.
- Tăng cường đội ngũ tư vấn và chăm sóc khách hàng. Dịch vụ sau bán hàng kịp thời, tận tình, chu đáo.

Hoạt động sản xuất

Chú trọng công tác giám sát chất lượng, kiên quyết không đưa các sản phẩm không đạt chất lượng ra thị trường. Xây dựng hình ảnh công ty - sản phẩm Nagakawa thật sự là biểu tượng của chất lượng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc

Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển bền vững mà Nagakawa Việt Nam đã theo đuổi và duy trì trong nhiều năm qua, Hội đồng quản trị đánh giá cao Ban tổng giám đốc trong việc nỗ lực hết mình để đưa công ty vượt qua khỏi khủng hoảng với những biện pháp đồng bộ để giải quyết những khó khăn nhằm hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông đã đề ra:

- Hoàn thiện cơ chế điều hành, mở rộng, xây dựng lại hệ thống nhân sự, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.
- Tiếp tục cân đối thu chi, cắt giảm các chi phí không hợp lý nhằm tối thiểu hóa chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, góp phần tăng lợi nhuận của công ty.



- Đặc biệt coi trọng công tác giá thành, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để giảm tối đa giá thành sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm Nagakawa trên thị trường.
- Xác định lại thị trường mục tiêu, khách hàng trọng điểm và sản phẩm chủ lực.
- Xây dựng trung tâm nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra thị trường các dòng sản phẩm Điều hòa không khí - Tủ đông - Điện gia dụng cao cấp thế hệ mới với nhiều tính năng vượt trội.
- Mở rộng kênh bán hàng, tăng số lượng nhà phân phối, đại lý cửa hàng bán sản phẩm của Nagakawa Việt Nam.
- Áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt.
- Thúc đẩy tăng nhanh doanh số tiêu thụ, từ đó tăng lợi nhuận của công ty.

Tuy nhiên, có những nguyên nhân và bài học sau đây:

- Suy thoái kinh tế kéo dài làm cho sức mua cơ bản giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, người tiêu dùng ngày càng có yêu cầu cao về sản phẩm, vì vậy công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới cần tập trung đầu tư phát triển hơn nữa để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
- Giá nguyên liệu đầu vào tăng, lương tăng, khiến chi phí sản xuất cao, sản phẩm thiếu tính cạnh tranh.
- Sự cạnh tranh trên thị trường Điều hòa không khí - Tủ đông - Điện gia dụng ngày càng gay gắt. Đối với các doanh nghiệp trong cùng phân khúc sản phẩm, Nagakawa Việt Nam cần chuẩn bị các đối sách để vừa giữ thị phần, vừa giành lại thị phần thì tay đối thủ. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài đang lên kế hoạch xâm nhập thị trường Việt Nam, công ty cần lên chiến lược cạnh tranh phù hợp để giữ vững vị trí và thị phần.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thông tin về giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên HĐQT/BKS (tính đến thời điểm 10/04/2013):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	1.452.000	9.78%	2.000	0.01%	Bán ngày 07/03
2	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	2.000	0.01%	1.000.000	6.73%	Mua ngày 26/6
3	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	1.000.000	6.73%	952.000	6.41%	Bán ngày 7/7
4	Mai Thanh Phương	Cổ đông lớn	952.000	6.41%	0	0%	Bán ngày 23/9

1.1.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Nguyễn Đức Khả

- Họ và tên : Nguyễn Đức Khả
- Số CMND: 012567067 cấp ngày 08/02/2007 Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/12/1959
- Nơi sinh: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường chú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.62858699

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 đến 1984: Sở Văn Hoá Hà Bắc
 - Từ 1984 đến 1992: Phòng Văn hoá huyện Gia Lương - Bắc Ninh
 - Từ 1993 đến 2000: Phó Giám đốc – Công ty XNK Bách Hoá Hà Nội
 - Từ 2001 đến 2002: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ
 - Từ 2002 đến 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Số cổ phần nắm giữ(đến thời điểm 10/04/2015) : 5.148.000 cổ phần.
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 5.148.000 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan :

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Đào Thị Soi	Vợ	2.772.897 cổ phần (đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	110.000 cổ phần

1.1.2. Thành viên HĐQT – Bà Đào Thị Soi

- Họ và tên : Đào Thị Soi
- Số CMND: 012204877 cấp ngày 29/03/1999 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1960
- Nơi sinh: Gia Bình – Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Bình – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 04.62858699

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính - Bắc Ninh
 - Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội
 - Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 10/04/2015) : 2.772.897 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 2.772.897 cổ phần
(đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Chồng	5.148.000 cổ phần
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	110.000 cổ phần

1.1.3. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Huyền Thương

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Thương
- Số CMND: 012142742 cấp ngày 26/10/2006 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1983
- Nơi sinh: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 04.62858699
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 – nay: Nhân viên phòng Hành chính CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 10/04/2015) : 110.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 110.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan :

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Cha	5.148.000 cổ phần
2	Đào Thị Soi	Mẹ	2.772.897 cổ phần (đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)

2. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có

2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch HĐQT	18/18	100%	
2	Đào Thị Soi	Ủy viên HĐQT	18/18	100%	
3	Nguyễn T. Huyền Thương	Ủy viên HĐQT	18/18	100%	
4	Mai Thanh Phương	Ủy viên HĐQT	7/18	38.89%	Thôi không giữ chức vụ thành viên HĐQT
5	Nguyễn Hồng Điệp	Ủy viên HĐQT	5/18	27.78%	Thôi không giữ chức vụ thành viên HĐQT

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: Tốt

2.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hải	08/1/1981	111511427	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Chu Thị Hữu	01/7/1987	135215910	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Vũ Hải Yên	13/11/1983	131543025	Thành viên Ban Kiểm soát

2.2.1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Nguyễn Văn Hải :

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hải
- Số CMND: 111511427 cấp ngày 6/8/2004 nơi cấp: Hà Tây
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 8/1/1981
- Nơi sinh: Thường Tín - Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thường Tín - Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Ngõ 62 Giải Phóng, Hà Nội

- Điện thoại liên lạc : 04.62858699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư
- Quá trình công tác:
 - Từ 2005 - 2006 : Viện nghiên cứu cơ khí
Chức vụ : Kỹ thuật viên phòng thủy khí
 - Từ 2006 - 2013 : CTCP Nagakawa Việt Nam
- Vị trí : Trưởng phòng kỹ thuật
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần nắm giữ: 10 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 10 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không
 - Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

2.2.2. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Chu Thị Hữu :

- Họ và tên : Chu Thị Hữu
- Số CMND: 135215910 cấp ngày 21/8/2003 nơi cấp: Vĩnh Phúc
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/7/1987
- Nơi sinh: Tam Đảo – Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Sán Dìu
- Quê quán: Tam Đảo – Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: SN 02, Đường Hùng Vương – Phúc Yên – Vĩnh Phúc
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.62858699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - 2007-2009: Nhân viên tư vấn & CSKH Văn phòng công chứng và dịch thuật ASEM
 - 2010-nay: Nhân viên phòng Hành chính tổng hợp Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nagakawa Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

2.2.3. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Vũ Hải Yến:

- Họ và tên: Vũ Hải Yến
- Số CMND: 131543025
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1983
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Bồ Sơn - Võ Cường - TP. Bắc Ninh
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.62858699
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - Từ T9/2005 - T3/2006: Kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Chi
 - Từ T4/2006 - T6 - 2013: Kế toán giá thành tại CTCP Nagakawa Việt Nam
 - T8/2015 đến nay: Kế toán tổng hợp tại công ty TNHH MTV Taxi Hà Nội Bắc Ninh
- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 10/04/2015) : 0 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không

2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

2.3.1. Lương, thưởng, thù lao và khoản lợi ích.

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014, Hội đồng quản trị nhận thù lao không quá 2% và Ban kiểm soát không quá 0,5% Lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014, nên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao theo Nghị quyết.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam trong năm 2015 như sau:

- + Thù lao cho HĐQT: Không quá 2% Lợi nhuận sau thuế năm 2015.
- + Thù lao cho BKS: Không quá 0,5% Lợi nhuận sau thuế năm 2015.

Thù lao trả cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được trả vào cuối năm, sau khi có lợi nhuận.

2.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ :

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	1.452.000	9.78%	2.000	0.01%	Bán ngày 07/03
2	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	2.000	0.01%	1.000.000	6.73%	Mua ngày 26/6
3	Mai Thanh Phương	Phó CT HĐQT	1.000.000	6.73%	952.000	6.41%	Bán ngày 7/7
4	Mai Thanh Phương	Cổ đông lớn	952.000	6.41%	0	0%	Bán ngày 23/9

2.3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm túc

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	244,796,315,794	236,572,214,023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3,862,273,906	2,942,762,492
1. Tiền	111	3,862,273,906	2,712,762,492
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	230,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1,254,484,650	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	1,254,484,650	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	136,343,067,224	120,126,358,092
1. Phải thu khách hàng	131	80,124,896,456	58,854,504,626
2. Trả trước cho người bán	132	17,475,638,026	25,459,357,220
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	39,724,200,124	36,794,163,628

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(981,667,382)	(981,667,382)
IV. Hàng tồn kho	140	81,370,910,005	88,908,074,227
1. Hàng tồn kho	141	81,370,910,005	88,908,074,227
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	21,965,580,009	24,595,019,212
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	171,013,765	157,688,733
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1,458,170,821	228,821,906
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	208,331,902	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	20,128,063,521	24,208,508,573
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	29,909,132,578	33,997,205,052
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-

II. Tài sản cố định	220	25,169,088,412	29,670,334,353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	25,169,088,412	29,670,334,353
- Nguyên giá	222	88,276,894,975	86,839,197,106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(63,107,806,563)	(57,168,862,753)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	133,962,600	133,962,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(133,962,600)	(133,962,600)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4,170,756,826	4,174,251,826
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4,170,756,826	4,174,251,826
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	569,287,340	152,618,873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	569,287,340	93,701,001
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	58,917,872
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	274,705,448,372	270,569,419,075
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	119,587,248,604	130,681,279,763
I. Nợ ngắn hạn	310	116,138,266,806	127,648,122,445
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	77,029,492,988	76,715,080,642
2. Phải trả người bán	312	20,070,333,926	6,575,385,040
3. Người mua trả tiền trước	313	4,335,469,734	31,536,894,432
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	13,785,833,387	10,664,759,348

5. Phải trả người lao động	315	613,212,208	434,688,344
6. Chi phí phải trả	316	137,810,088	1,061,052,289
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	108,591,442	602,739,317
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	57,523,033	57,523,033
II. Nợ dài hạn	330	3,448,981,798	3,033,157,318
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	200,000,000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	17,650,307	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	3,231,331,491	3,033,157,318
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-

9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	152,245,863,779	137,044,451,529
I. Vốn chủ sở hữu	410	152,245,863,779	137,044,451,529
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	148,495,780,000	148,495,780,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5,672,110,000	5,672,110,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	(20,000)	(20,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	2,955,874,625	2,955,874,625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	544,719,321	544,719,321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5,422,600,167)	(20,624,012,417)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-

1. Nguồn kinh phí	432		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	2,872,335,989	2,843,687,783
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	274,705,448,372	270,569,419,075
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG		-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04	134,612,027	134,612,027
5. Ngoại tệ các loại (USD)	05	397.17	472.17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06	-	-

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	280,177,987,919	215,905,225,167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1,210,473,115	4,559,845,543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	278,967,514,804	211,345,379,624
4. Giá vốn hàng bán	11		

		241,740,546,293	185,025,096,063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20	37,226,968,511	26,320,283,561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	539,539,195	249,664,059
7. Chi phí tài chính	22	8,375,312,909	11,224,857,271
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	7,943,715,125	10,587,791,511
8. Chi phí bán hàng	24	3,865,341,400	5,905,835,663
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12,911,750,669	11,080,116,887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30	12,614,102,728	(1,640,862,201)
11. Thu nhập khác	31	7,064,702,964	7,638,006,289
12. Chi phí khác	32	288,152,731	4,384,880,167
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	6,776,550,233	3,253,126,122
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	(3,495,000)	(1,717,625)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40+45)	50	19,387,157,961	1,610,546,296
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,080,529,326	290,705,015
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	76,568,179	10,412,702
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	15,230,060,455	1,309,428,579

18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	28,648,206	107,230,485
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	15,201,412,250	1,202,198,094
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	1,024	81

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm nay

Năm trước

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.387.157.961	1,610,546,296
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	6.957.868.009	7,857,156,082
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	102.730.007	(5,657,151)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(507.853.714)	(88,020,823)
- Chi phí lãi vay	06	7.943.715.125	10,587,791,511
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.883.617.388	19,961,815,915
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.257.628.991)	60,868,752,052
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.537.164.222	126,210,725
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(15.554.657.235)	(21,075,542,182)

- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(488.911.371)	305,784,506
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.017.588.109)	(15,938,051,449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(50.000.000)	(171,989,114)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	64.126.300.465	21,077,656,362
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(61.465.878.499)	(11,719,505,377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.712.417.870	53,435,131,438
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.722.229.324)	(38,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	254.545.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.554.484.650)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.791.875.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	112.715.516	88,020,823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.117.578.004)	50,020,823
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	216.130.178.604	130,379,555,188
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(215.615.766.258)	(184,882,239,696)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(189.971.488)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	324.440.858	(54,502,684,508)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	919.280.724	(1,017,532,247)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.942.762.492	3,960,294,739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	230.690	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	3.862.273.906	2,942,762,492

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Đức Khải